



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
KHOA NGHỆ THUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Báo cáo chuyên đề thực tiễn**
- Tên tiếng Anh: Practical thematic report
- Mã học phần: ...
- Số tín chỉ: 1 (1/0/2) [A: số tín chỉ của HP, a: số tín chỉ lý thuyết, b: số tín chỉ thực hành/thực tập/ đồ án/ khóa luận:, $c = 2 \times a$: số tín chỉ tự học]
- Cấp đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: không
- Đơn vị phụ trách: Khoa nghệ thuật
- Số giờ tín chỉ: 15 tiết, trong đó:
- Lý thuyết: 15 tiết (1 tín chỉ LT = 15 tiết)
- Thực hành: 0 (1 tín chỉ TH = 30 tiết)
- Thực tập: 0 (1 tín chỉ TT = 60 giờ TT tại cơ sở)
- Đồ án/ Khóa luận 0 (1 tín chỉ ĐA/KL = 45 giờ làm ĐA/KL)

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Thái Đình Dũng
- Chức danh, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nghệ thuật - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0946767773
- Email: thaidinhdung84@gmail.com

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Đặng Thanh Liêm
- Chức danh, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nghệ thuật - Trường Đại học Văn Hiến

- Điện thoại: 0937796286
- Email: dangthanhlien68@gmail.com

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần “Báo cáo chuyên đề thực tiễn” thường tập trung vào việc hướng dẫn sinh viên nắm vững quy trình thực hiện báo cáo chuyên đề trong lĩnh vực cụ thể nào đó. Sinh viên thường được yêu cầu lựa chọn một chủ đề, thu thập và phân tích dữ liệu, sau đó viết báo cáo và trình bày kết quả. Quy trình này giúp sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn và phát triển kỹ năng nghiên cứu, viết báo cáo và trình bày.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về một lĩnh vực cụ thể thông qua việc nghiên cứu, phân tích và trình bày thông tin chi tiết về các vấn đề thực tế. Điều này giúp học viên hiểu rõ hơn về ứng dụng của kiến thức lý thuyết vào thực tiễn và phát triển kỹ năng nghiên cứu, phân tích và trình bày.

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về một chủ đề cụ thể trong lĩnh vực nào đó. Trong học phần này, sinh viên thường được yêu cầu nghiên cứu, phân tích và trình bày thông tin chi tiết về một vấn đề hoặc một lĩnh vực cụ thể liên quan đến thực tế và ứng dụng. Các chủ đề có thể bao gồm từ kinh doanh, khoa học, công nghệ đến xã hội và văn hóa.

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể hoặc một vấn đề nhất định. Thông qua việc nghiên cứu, phân tích và trình bày thông tin, học phần này giúp sinh viên hiểu sâu về vấn đề đó và áp dụng kiến thức vào thực tiễn. Đồng thời, nó cũng giúp phát triển kỹ năng nghiên cứu, phân tích dữ liệu và viết báo cáo một cách chuyên nghiệp.

- Báo cáo chuyên đề thực tiễn là một phần quan trọng trong quá trình học tập và nghiên cứu. Đối với người học, việc thực hiện báo cáo này giúp họ áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn, từ đó nắm vững và hiểu sâu hơn về vấn đề cụ thể mà họ đang nghiên cứu. Đồng thời, qua quá trình chuẩn bị và trình bày báo cáo, người học cũng có cơ hội rèn luyện kỹ năng giao tiếp, trình bày và phân tích thông tin một cách logic và rõ ràng.

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
Kiến thức	
CLO1	Hiểu sâu các lý thuyết, nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu liên quan đến

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
	ngành điện ảnh và truyền hình.
CLO2	Nắm bắt được các vấn đề thực tiễn hiện nay trong ngành, bao gồm các thách thức, xu hướng và cách thức giải quyết các vấn đề đó.
Kỹ năng	
CLO3	Có khả năng tiến hành nghiên cứu độc lập, sử dụng các phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu hiệu quả.
CLO4	Phát triển kỹ năng viết báo cáo chuyên nghiệp, trình bày thông tin một cách rõ ràng, có cơ sở và thuyết phục.
CLO5	Có khả năng trình bày ý tưởng và kết quả nghiên cứu trước công chúng và các chuyên gia trong ngành một cách hiệu quả.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
CLO6	Chủ động tìm kiếm kiến thức, đặt câu hỏi và thực hiện nghiên cứu một cách độc lập.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
CLO1	X	X								X		
CLO2	X						X					
CLO3			X								X	
CLO4				X					X			
CLO5					X		X					
CLO6			X									X

Ghi chú: *PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT*

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung	Đáp ứng CLOs
Chương 1	Tổng quan về ngành công nghệ điện ảnh truyền hình	CLO2, CLO5
1.1	Lịch sử và phát triển của ngành công nghệ điện ảnh truyền hình	
1.2	Công nghệ và kỹ thuật trong ngành	
1.3	Tác động của ngành công nghệ điện ảnh truyền hình	
Chương 2	Ứng dụng công nghệ trong sản xuất và phân phối nội dung	CLO3, CLO4, CLO6
2.1	Công nghệ sản xuất phim	
2.2	Công nghệ âm thanh và ánh sáng	
2.3	Phân phối và truyền tải nội dung	
Chương 3	Thách thức và cơ hội trong ngành công nghệ điện ảnh truyền hình	CLO1, CLO3
3.1	Thách thức của ngành	
3.2	Cơ hội cho ngành	
3.3	Chiến lược ứng phó	

6.2. Thực hành

	Nội dung	Đáp ứng CLOs
6.2.1.	Bài tập cá nhân	CLO3, CLO4, CLO6
	- Chọn đề tài và tiến hành nghiên cứu độc lập. Quá trình này bao gồm việc xác định vấn đề, thu thập dữ liệu, phân tích và viết báo cáo. - Viết một báo cáo nghiên cứu đầy đủ, thể hiện kết quả nghiên cứu và các khuyến nghị dựa trên phân tích dữ liệu.	
6.2.2.	Bài tập nhóm	CLO1, CLO3
	- Sinh viên làm việc trong các nhóm nhỏ để thảo luận về các đề tài nghiên cứu, phương pháp tiếp cận, và chia sẻ tài nguyên nghiên cứu. Họ học cách hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình nghiên cứu.	

	Nội dung	Đáp ứng CLOs
	- Nhóm sinh viên chuẩn bị và thực hiện các bài trình bày về kết quả nghiên cứu của họ. Điều này giúp phát triển kỹ năng trình bày và giao tiếp.	

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
1	Tổng quan về ngành công nghệ điện ảnh truyền hình	5	2	0	10		
2	Ứng dụng công nghệ trong sản xuất và phân phối nội dung	5	2	0	10		
3	Thách thức và cơ hội trong ngành công nghệ điện ảnh truyền hình	5	2	0	10		
Tổng		15	6	0	30		

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Sự phát triển của công nghệ trong ngành điện ảnh truyền hình: Bàn luận về các công nghệ mới như 4K, HDR, VR/AR và ảnh hưởng của chúng đối với trải nghiệm người xem và sản xuất nội dung.
2. Tính bền vững trong sản xuất nội dung điện ảnh truyền hình: Đề cập đến các vấn đề liên quan đến môi trường, đạo đức và xã hội trong quá trình sản xuất nội dung điện ảnh truyền hình.
3. Phân tích xu hướng tiêu dùng và thị trường: Thảo luận về các xu hướng tiêu dùng hiện nay, sự thay đổi trong thị trường và cách các doanh nghiệp điện ảnh truyền hình đáp ứng những thách thức này.

8. Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Bài tập và dự án thực tế
- Hội thảo và thảo luận
- Tập huấn và thực tập

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Bài tập và dự án thực tế	X	X				X				X		
Hội thảo và thảo luận	X			X			X					
Tập huấn và thực tập			X					X		X		

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Làm việc nhóm	X	X					X			X		
Tự học, tự	X					X						

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
nghiên cứu												

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Thang điểm đánh giá: Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1. *Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:*

- a. Điểm chuyên cần: 2/10, trọng số 8%.
- b. Điểm kiểm tra thường xuyên: 3/10, trọng số 12%.
- c. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 5/10, trọng số 20%.

2. *Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%*

Hình thức thi: tiểu luận

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Tiểu luận	X			X		X	X					X

13. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản trong 05 năm trở lại đây và cung cấp được cho Trung tâm Học liệu nơi đặt tài liệu)

13.1. Tài liệu chính

1. Luật Điện ảnh 2022 (số 05/2022/QH15) Văn bản pháp luật quy định về hoạt động điện ảnh tại Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/01/2023,
2. Giáo trình cơ sở ngành Điện ảnh – Truyền hình – *Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội*
3. Tài liệu đào tạo chuyên ngành Đạo diễn, sản xuất nội dung số – *Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh TP.HCM*
4. Film Studies: An Introduction (Second Edition) – *Ed Sikov*
5. Introduction to Film & TV – *Open Library, Oklahoma State University*
6. David Bordwell, Kristin Thompson (2024), *Nghệ thuật điện ảnh*, Đỗ Thu Hà, Phan Đăng Di (dịch và hiệu đính), NXB Thế giới.
7. Warren Buckland (2021), *Nghiên cứu phim*, Nhã Nam, NXB Tri thức.
8. Bruno Toussaint (2022), *Ngôn ngữ điện ảnh và truyền hình*, Hội Điện ảnh Việt Nam.

13.2. Tài liệu tham khảo

1. Bruno Toussaint (2007), *Ngôn ngữ điện ảnh và truyền hình*, Hội Điện ảnh Việt Nam, Hà Nội.
2. David Bordwell, Kristin Thompson (2013), *Nghệ thuật điện ảnh*, NXB Nhã Nam và NXB Thế giới, Hà Nội.
3. Warren Buckland (2011), *Nghiên cứu phim*, Nhã Nam, NXB Tri thức, Hà Nội.
4. Richard L. Bare (2018), *Nghệ thuật đạo diễn*, Đặng Minh Liên dịch, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
5. Đình Quang, 1997, Ảnh hưởng của nền sân khấu Xô Viết với sân khấu Việt Nam, Tạp chí Sân khấu – Số 9.
6. Hoàng Sự, 2002, Vấn đề thi pháp kịch Chekhov – NXB Văn học.
7. Nguyễn Du, 2018, Truyện Kiều, Đào Duy Anh hiệu khảo, chú giải, NXB Văn học.

TP.Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm

Hiệu trưởng
Duyệt

Trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)